

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HỒ CÁP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HỒ CÁP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HO CAP PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HO CAP PHARMACEUTICAL.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108351860

**3. Ngày thành lập:** 06/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, Tòa tháp Ngôi sao, Khu đất D32, KĐTMT Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439608899

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                  | 1812        |
| 2.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4773        |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)                                        | 4620        |
| 4.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                  | 7320        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. | 8299        |
| 6.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                           | 0128        |
| 7.  | In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                         | 1811        |
| 8.  | Sản xuất hoá chất cơ bản (không bao gồm sản xuất hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật)                                               | 2011        |
| 9.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                          | 5224        |
| 10. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                       | 5210        |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                 | 8230(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô. | 4932 |
| 13. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                      | 4632 |
| 14. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ cầm đồ;                                                                                                                                                                                                            | 6492 |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                               | 4933 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                        | 4659 |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 18. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp                                                                                                                                                                                            | 4610 |
| 20. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4772 |
| 21. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                   | 2023 |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.                                                                                                                                    | 4649 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUANG THÁI   | Tổ 22, cụm 3, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 147.000    | 1.470.000.000         | 49,000    | 030083000013                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số           | 147.000    | 1.470.000.000         | 49,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM HỮU KHÁNH      | Ô 14, lô 9 Đền Lừ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 31.500     | 315.000.000           | 10,500    | 013298868                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số           | 31.500     | 315.000.000           | 10,500    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN MINH PHƯƠNG  | Thôn Đán Viên, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 5,000     | 001189011255                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | TRẦN VĂN HIẾU       | Xóm 15, Xã Hải Anh, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                    | Cổ phần phổ thông | 6.300      | 63.000.000            | 2,100     | 162374412                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số           | 6.300      | 63.000.000            | 2,100     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGÔ THỊ BÍCH PHƯƠNG | Thôn Nhật Chiêu, Xã Liên Châu, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 5,000     | 135318838                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 6   | PHAN THU NGÀ        | 1203Tg12-Startower Ô đất D32 ĐTMCG, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 85.200     | 852.000.000           | 28,400    | 031186000258                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số           | 85.200     | 852.000.000           | 28,400    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN THU NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031186000258

Ngày cấp: 17/09/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1203Tg12-Startower Ô đất D32 ĐTMCG, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 1203Tg12-Startower Ô đất D32 ĐTMCG, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội